

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ELMICH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Elmich (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Elmich được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0105284398, đăng ký lần đầu ngày 27/4/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, số nhà 122 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Đỗ Xuân Hiếu	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Sơn	Thành viên
Ông Đỗ Trường Khánh	Thành viên
Ông Milan Movosad	Thành viên
Ông Martin Skryja	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trường Khánh	Giám đốc thường trực
Bà Phạm Thu Hiền	Giám đốc tài chính

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đinh Thị Mộng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên
Bà Mai Thị Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Trường Khánh

Giám đốc thường trực

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Elmich

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Elmich được lập ngày 08 tháng 04 năm 2019, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Elmich chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Elmich tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Elmich được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2018.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Đinh Văn Giao

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3286-2015-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		580.511.335.742	569.226.970.947
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	63.521.180.362	58.047.594.493
111	1. Tiền		63.521.180.362	50.047.594.493
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	8.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	205.000.000	205.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		205.000.000	205.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.901.224.649	169.019.690.332
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	169.077.589.442	144.767.631.782
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.539.347.781	18.743.069.879
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.009.671.772	5.394.538.246
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(44.677.148)	(18.819.842)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		319.292.802	133.270.267
140	IV. Hàng tồn kho	9	313.877.679.284	338.472.504.970
141	1. Hàng tồn kho		314.850.089.918	338.472.504.970
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(972.410.634)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.006.251.447	3.482.181.152
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.389.943.241	1.527.182.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.456.033.864	1.954.999.014
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	160.274.342	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		278.237.744.148	284.658.966.533
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.127.444.960	836.394.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.127.444.960	836.394.000
220	II. Tài sản cố định		201.317.482.340	213.681.304.742
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	201.036.948.766	213.339.707.989
222	- Nguyên giá		302.171.604.074	297.383.001.813
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.134.655.308)	(84.043.293.824)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	280.533.574	341.596.753
228	- Nguyên giá		696.827.500	627.327.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(416.293.926)	(285.730.747)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		19.218.048.428	12.950.275.407
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	19.218.048.428	12.950.275.407
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	44.452.981.524	41.446.732.553
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		44.452.733.630	41.446.484.659
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		247.894	247.894
260	V. Tài sản dài hạn khác		12.121.786.896	15.744.259.831
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	12.121.786.896	15.744.259.831
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		858.749.079.890	853.885.937.480

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

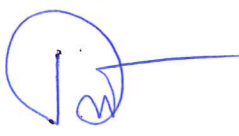
Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

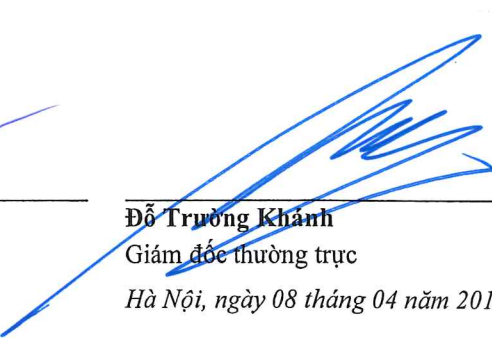
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		238.178.088.956	273.485.853.586
310	I. Nợ ngắn hạn		237.108.088.956	272.007.739.204
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	43.315.039.393	78.556.818.710
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	3.676.856.998	1.706.038.013
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	23.329.531.748	21.132.722.384
314	4. Phải trả người lao động		13.932.502.505	18.459.004.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.594.841.664	11.832.565.714
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	94.090.908
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.325.310.502	28.089.533.122
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	124.588.922.178	111.713.582.051
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		345.083.968	423.383.468
330	II. Nợ dài hạn		1.070.000.000	1.478.114.382
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	200.000.000	250.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	870.000.000	765.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	-	463.114.382
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		620.570.990.934	580.400.083.894
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	620.570.990.934	580.400.083.894
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		440.000.000.000	440.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		440.000.000.000	440.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		23.471.789.361	23.471.789.361
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.806.871.996	2.806.871.996
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.017.411.454	23.876.810.672
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.864.561.055	(9.861.625.818)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.152.850.399	33.738.436.490
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		92.274.918.123	90.244.611.865
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		858.749.079.890	853.885.937.480


Phạm Thùy Dương
Người lập biểu


Lê Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Đỗ Trường Khánh
Giám đốc thường trực

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	
			Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.005.422.550.432	1.016.883.960.931
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	23.344.048.793	24.466.904.556
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	982.078.501.639	992.417.056.375
11	4. Giá vốn hàng bán	25	765.400.700.087	787.971.667.894
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		216.677.801.552	204.445.388.481
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.950.729.651	7.341.693.219
22	7. Chi phí tài chính	27	9.311.229.437	7.705.958.345
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.471.213.568	7.571.763.906
24	9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		3.006.028.681	896.134.988
25	10. Chi phí bán hàng	28	123.992.821.710	105.127.751.943
26	11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	34.368.449.301	45.981.390.619
30	12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.962.059.436	53.868.115.781
31	13. Thu nhập khác	30	4.321.872.923	1.339.672.877
32	14. Chi phí khác	31	2.421.840.486	1.312.263.652
40	15. Lợi nhuận khác		1.900.032.437	27.409.225
50	16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.862.091.873	53.895.525.006
51	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	9.036.944.291	9.866.739.729
52	18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	(463.114.382)	(4.956.876)
60	19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		47.288.261.964	44.033.742.153
61	20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		38.152.850.399	33.738.436.490
62	21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		9.135.411.565	10.295.305.663
70	22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	867	767

Phạm Thùy Dương
Người lập biểu

Lê Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Đỗ Trường Khánh
Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.862.091.873	53.895.525.006
	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.423.119.884	9.778.103.961
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		20.509.820.097	12.006.341.242
03	- Các khoản dự phòng		998.267.940	(5.555.744.986)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(125.252.495)	(44.715.550)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.430.929.226)	(4.199.540.651)
06	- Chi phí lãi vay		5.471.213.568	7.571.763.906
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		76.285.211.757	63.673.628.967
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(29.081.264.140)	9.687.809.636
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		19.701.779.713	(102.099.110.502)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(41.695.107.380)	17.150.866.877
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.005.552.952	(299.487.894)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.465.317.563)	(7.441.493.457)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.566.343.383)	(10.051.953.268)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	984.900
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(370.376.653)	(24.660.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.814.135.303	(29.403.414.741)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(13.754.100.522)	(18.397.479.074)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.146.254.545	141.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(205.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	800.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(532.798.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ^[*]		(2.527.374.583)	25.356.154.030
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		994.750.137	6.128.084.565
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.140.470.423)	13.290.779.703
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		413.406.881.741	531.873.657.656
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(400.426.541.614)	(509.961.098.182)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.191.469.840)	(7.196.087.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.788.870.287	14.716.472.224

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.462.535.167	(1.396.162.814)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		58.047.594.493	59.437.252.460
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.050.702	6.504.847
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>63.521.180.362</u>	<u>58.047.594.493</u>

[*] Đây là khoản giảm tiền và tương đương tiền tại thời điểm thoái vốn Công ty Cổ phần Biocont Việt Nam số tiền là 2.527.374.583 VND.



Phạm Thùy Dương
Người lập biểu



Lê Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Đỗ Trường Khánh
Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Elmich được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0105284398, đăng ký lần đầu ngày 27/04/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, số nhà 122 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2018 là: 440.000.000.000 đồng; tương đương 44.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh đồ gia dụng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chỉ gồm các ngành nghề sau:
 - + Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;
 - + Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
 - + Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh...

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 03 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SX Đồ gia dụng Elmich	Quận Đống Đa, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm về đồ gia dụng
Công ty TNHH Elmich Việt Nam	Huyện Lục Bình, tỉnh Hà Nam	100%	100%	Kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa là đồ gia dụng
Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	51%	51%	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu, đồ uống; chế biến nhân điều xuất khẩu

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn:

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại công ty con Công ty Cổ phần Biocont Việt Nam với tổng giá trị chuyển nhượng là 204.000.000 VND. Từ ngày 21/11/2018, Công ty Cổ phần Bitcont Việt Nam không còn là công ty con của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công trực tiếp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	04 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí hoa hồng môi giới, chi phí thuê kho, thuê văn phòng, chi phí thuê quầy kệ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Đối với chi phí hoa hồng môi giới, Công ty đang trích trước theo biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành liên quan đến hợp đồng môi giới thương mại giữa các bên.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.663.438.849	2.209.000.784
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.857.741.513	47.838.593.709
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
	63.521.180.362	58.047.594.493

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^[*]	205.000.000	-	205.000.000	-
	205.000.000	-	205.000.000	-

[*] Tại ngày 31/12/2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - chi nhánh Thành Công với lãi suất 6,4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

		31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)		
Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND	VND		
TP Đà Nẵng	20,06%	20,06%	44.452.733.630	20,06%	20,06%	41.446.484.659
			<u>44.452.733.630</u>	<u>41.446.484.659</u>		

Đầu tư vào Công ty liên kết

- Công ty CP Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2018				01/01/2018			
Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	9	204.753	256.500	-	9	204.753	259.200
- Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức (TDH)	2	16.843	27.900	-	2	16.843	29.600
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	2	26.298	52.400	-	2	26.298	50.800
	247.894	336.800	-		247.894	339.600	-

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu nêu trên được xác định căn cứ vào giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 28/12/2018.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH iMARKET Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	63.800.445.720	-	30.127.900.000	-
- Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	7.605.296.849	-	37.818.536.551	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Tổng hợp Vincommerce	9.072.894.149	-	2.561.261.728	-
- Công ty Cổ phần Mediamart Việt Nam	9.977.232.037	-	1.924.047.951	-
- Công ty TNHH MTV Ladofoods	10.259.201.947	-	11.179.224.177	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	68.362.518.740	(15.677.279)	61.156.661.375	(11.533.303)
	169.077.589.442	(15.677.279)	144.767.631.782	(11.533.303)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo Minh	3.854.068.182	-	-	-
- Household Co., Ltd	-	-	9.460.737.271	-
- Excelsa Chile International SpA	1.183.468.800	-	-	-
- Công ty TNHH Song Phú Vina	3.871.695.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	14.630.115.799	-	9.282.332.608	-
	23.539.347.781	-	18.743.069.879	-

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	69.300.000	-	11.500.000	-
Tạm ứng	1.040.195.524	-	1.040.496.896	-
Phải thu các đối tượng khác	3.900.176.248	(28.999.869)	4.342.541.350	(7.286.539)
- Phải thu Ông Hoàng Thiện Nam	-	-	1.844.998.290	-
- Phải thu Ông Lại Văn Dương	124.226.631	-	301.286.134	-
- Các đối tượng khác	3.775.949.617	(28.999.869)	2.196.256.926	(7.286.539)
	5.009.671.772	(28.999.869)	5.394.538.246	(7.286.539)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.127.444.960	-	836.394.000	-
	1.127.444.960	-	836.394.000	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các đối tượng khác	44.677.148	-	36.124.599	17.304.757
	44.677.148	-	36.124.599	17.304.757

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.836.016.437	-	36.764.220.838	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.435.119.326	-	85.269.255.344	-
Công cụ, dụng cụ	4.956.292.044	-	4.514.289.142	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.925.399.426	-	10.177.807.952	-
Thành phẩm	46.014.840.025	(720.428.059)	59.757.499.315	-
Hàng hoá	174.953.095.889	(251.982.575)	134.092.546.712	-
Hàng gửi đi bán	13.729.326.771	-	7.896.885.667	-
	314.850.089.918	(972.410.634)	338.472.504.970	-

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	436.004.567	573.450.468
- Chi phí thuê văn phòng, cửa hàng	322.500.000	647.045.456
- Chi phí thuê quảng cáo	2.361.872.312	-
- Các khoản khác	269.566.362	306.686.214
	3.389.943.241	1.527.182.138
a) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa	-	1.014.366.015
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.401.110.497	4.107.106.954
- Chi phí làm biển quảng cáo	469.538.427	2.236.591.739
- Tiền thuê đất trả trước ^[*]	6.847.568.287	7.507.238.481
- Chi phí trả trước dài hạn khác	403.569.685	878.956.642
	12.121.786.896	15.744.259.831

[*] Tiền thuê đất thanh toán một lần tại Cụm công nghiệp An Mỹ - Đồn Xá, xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thời hạn thuê 50 năm tính từ thời điểm có quyết định cho thuê đất theo Quyết định số 1596/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ngày 30/11/2012.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	107.565.363.394	171.200.212.950	11.455.017.312	5.910.098.419	1.252.309.738	297.383.001.813
- Mua trong năm	-	3.998.599.550	345.099.818	795.816.080	-	5.139.515.448
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.566.273.204	-	-	-	-	2.566.273.204
- Thanh lý, nhượng bán	(1.930.927.028)	-	(240.000.000)	-	-	(2.170.927.028)
- Giảm do thoái vốn	-	-	(746.259.363)	-	-	(746.259.363)
Số dư cuối năm	108.200.709.570	175.198.812.500	10.813.857.767	6.705.914.499	1.252.309.738	302.171.604.074

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	27.302.813.737	47.908.656.803	6.399.782.282	2.286.937.539	145.103.463	84.043.293.824
- Khấu hao trong năm	8.035.046.755	10.230.477.056	708.458.796	682.988.630	62.615.487	19.719.586.724
- Thanh lý, nhượng bán	(1.930.927.028)	-	(240.000.000)	-	-	(2.170.927.028)
- Giảm do thoái vốn	-	-	(457.298.212)	-	-	(457.298.212)
Số dư cuối năm	33.406.933.464	58.139.133.859	6.410.942.866	2.969.926.169	207.718.950	101.134.655.308

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	80.262.549.657	123.291.556.147	5.055.235.030	3.623.160.880	1.107.206.275	213.339.707.989
Tại ngày cuối năm	74.793.776.106	117.059.678.641	4.402.914.901	3.735.988.330	1.044.590.788	201.036.948.766

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 159.576.555.773 VND.
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.664.451.714 VND.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	627.327.500	627.327.500
- Mua trong năm	69.500.000	69.500.000
Số dư cuối năm	696.827.500	696.827.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	285.730.747	285.730.747
- Khấu hao trong năm	130.563.179	130.563.179
Số dư cuối năm	416.293.926	416.293.926
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	341.596.753	341.596.753
Tại ngày cuối năm	280.533.574	280.533.574

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	319.503.000	69.500.000
Xây dựng cơ bản	18.898.545.428	12.880.775.407
- Công trình xây dựng trang trại nho tại Ninh Thuận ^[*]	16.320.831.547	12.799.097.497
- Đầu tư mua sắm Dây chuyền đánh bóng ngoài Inox	2.269.875.553	-
- Công trình khác	307.838.328	81.677.910
	19.218.048.428	12.950.275.407

^[*] Dự án Xây dựng trang trại nho tại Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (công ty con):

- Mục tiêu dự án: Xây dựng vùng nguyên liệu nho rượu có chất lượng cao để sản xuất ra các dòng rượu vang chất lượng cao của Việt Nam, cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước. Ngoài ra, xây dựng mô hình mẫu làm cơ sở để mở rộng và chuyển giao cho nông dân phát triển vùng nguyên liệu nho rượu ổn định, lâu dài;
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;
- Diện tích đất sử dụng: 17ha;
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 19 tỷ đồng;
- Tình trạng của dự án đến ngày 31/12/2018: Dự án đã cơ bản hoàn thành, bắt đầu từ tháng 01/2019, Công ty đã tiến hành triển khai trồng 20ha nho.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Phải trả cho người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn				
- Lulu International Trade Co., Limited	7.690.134.182	7.690.134.182	24.192.947.343	24.192.947.343
- Europe Morava Tech S.R.O	10.997.732.512	10.997.732.512	10.756.440.038	10.756.440.038
- Công ty TNHH PBO Hà Nam	1.063.492.980	1.063.492.980	1.433.107.390	1.433.107.390
- Home Pro International S.R.O	180.323	180.323	2.365.653.951	2.365.653.951
- Maviga Middle East Trading DMCC	-	-	16.783.588.947	16.783.588.947
- Công Ty TNHH TM DV VT Minh Đức Thập	1.493.756.000	1.493.756.000	718.603.000	718.603.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	22.069.743.396	22.069.743.396	22.306.478.041	22.306.478.041
	43.315.039.393	43.315.039.393	78.556.818.710	78.556.818.710

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty TNHH YOUNGONE Nam Định	2.317.565.250	
- Doanh nghiệp tư nhân Hasa	-	513.480.838
- Các đối tượng khác	1.359.291.748	1.192.557.175
	3.676.856.998	1.706.038.013

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	136.166.454	130.270.449
- Trích trước chi phí thuê kho, quầy, kệ	275.859.557	2.362.947.048
- Trích trước chi phí chiết khấu thanh toán	199.459.295	-
- Trích trước chi phí quảng cáo	2.923.351.657	-
- Trích trước chi phí hoa hồng môi giới ^[*]	10.608.231.485	6.877.400.000
- Chi phí phải trả khác	2.451.773.216	2.461.948.217
	16.594.841.664	11.832.565.714

[*] Trích trước theo hợp đồng số 01092018/HĐMG ngày 01/09/2018 và hợp đồng 05092018/HĐMG ngày 05/09/2018 giữa YUSHUAI CO., LIMITED và Công ty Cổ phần Elmich. Số dư tại ngày 31/12/2018 là chi phí hoa hồng môi giới phải trả tương ứng với phần doanh thu Công ty Cổ phần Elmich đã ghi nhận trong năm.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.145.733.974	42.820.739.555	41.081.410.971	-	7.885.062.558
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	9.797.202.327	28.107.064.123	29.414.875.267	-	8.489.391.183
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.215.862	26.241.097.449	26.241.097.449	-	2.215.862
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.798.717.111	9.046.298.193	7.566.343.383	-	6.278.671.923
Thuế thu nhập cá nhân	-	386.954.567	2.315.712.196	2.073.791.445	65.654.342	651.898.822
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	197.429.529	292.049.529	94.620.000	-
Các loại thuế khác	-	1.898.543	1.246.046.013	1.225.653.156	-	22.291.400
	-	21.132.722.384	109.974.387.058	107.895.221.200	160.274.342	23.329.531.748

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	184.896.889	367.062.468
Kinh phí công đoàn	304.397.960	438.255.968
Bảo hiểm xã hội	-	180.553.463
Bảo hiểm y tế	228.411.748	69.913.738
Bảo hiểm thất nghiệp	139.583.740	62.806.799
Phải trả về tạm ứng	259.647.005	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.208.373.160	26.970.940.686
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	9.601.840
- Phải trả Ông Đỗ Thành Trung ^[*]	6.506.375.755	19.134.773.925
- Phải trả Ông Đỗ Trường Khánh ^[*]	551.693.922	551.693.922
- Phải trả Ông Lê Quốc Vương ^[*]	1.172.626.675	773.213.176
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Vân Anh	-	408.292.690
- Phải trả Bà Đỗ Thị Thương	-	851.223.442
- Phải trả Ông Hoàng Thiện Nam	-	1.250.781.949
- Phải trả các đối tượng khác	1.977.676.808	3.991.359.742
	11.325.310.502	28.089.533.122
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược	200.000.000	250.000.000
	200.000.000	250.000.000
c) Phải trả các bên liên quan	7.058.069.677	19.686.467.847
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)		

^[*] Khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0%.

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	111.318.582.051	111.318.582.051	412.906.881.741	400.031.541.614	124.193.922.178	124.193.922.178
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	395.000.000	395.000.000	395.000.000	395.000.000	395.000.000	395.000.000
	<u>111.713.582.051</u>	<u>111.713.582.051</u>	<u>413.301.881.741</u>	<u>400.426.541.614</u>	<u>124.588.922.178</u>	<u>124.588.922.178</u>
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	1.160.000.000	1.160.000.000	500.000.000	395.000.000	1.265.000.000	1.265.000.000
	<u>1.160.000.000</u>	<u>1.160.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>395.000.000</u>	<u>1.265.000.000</u>	<u>1.265.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(395.000.000)	(395.000.000)	(395.000.000)	(395.000.000)	(395.000.000)	(395.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>765.000.000</u>	<u>765.000.000</u>			<u>870.000.000</u>	<u>870.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Lãi suất		Hình thức	31/12/2018		01/01/2018
	Loại tiền	năm		VND	VND	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	VND	Thả nổi	Thế chấp (*)	81.940.795.592	67.246.261.819	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 3	VND	7%/năm	Thế chấp (*)	20.253.126.586	23.143.118.085	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	VND	Thả nổi	Tin chấp	-	20.929.202.147	
- Ông Đỗ Thanh Trung	VND	6,95%	Tin chấp	22.000.000.000	-	
				<u>124.193.922.178</u>	<u>111.318.582.051</u>	

(*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
	VND	0%	2019	Tín chấp	VND 1.265.000.000	VND 1.160.000.000
Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng					1.265.000.000	1.160.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(395.000.000)	(395.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					870.000.000	765.000.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	400.000.000.000	50.002.895.025	2.806.871.996	(198.530.843)	87.131.174.202	539.742.410.380
Tăng vốn trong năm trước	40.000.000.000	(26.531.105.664)	-	(9.663.094.975)	-	3.805.799.361
Lãi trong năm trước	-	-	-	33.738.436.490	10.295.305.663	44.033.742.153
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.181.868.000)	(7.181.868.000)
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	440.000.000.000	23.471.789.361	2.806.871.996	23.876.810.672	90.244.611.865	580.400.083.894
Số dư đầu năm nay	440.000.000.000	23.471.789.361	2.806.871.996	23.876.810.672	90.244.611.865	580.400.083.894
Lãi trong năm nay	-	-	-	38.152.850.399	9.135.411.565	47.288.261.964
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.181.868.000)	(7.181.868.000)
Điều chỉnh hợp nhất khi thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	76.762.693	76.762.693
Giảm khác	-	-	-	(12.249.617)	-	(12.249.617)
Số dư cuối năm nay	440.000.000.000	23.471.789.361	2.806.871.996	62.017.411.454	92.274.918.123	620.570.990.934

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Tại công ty mẹ	Tại Công ty con	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Chi trả cổ tức	-	7.181.868.000	7.181.868.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Thành Trung	253.594.000.000	57,64%	132.000.000.000	30,00%
Ông Đỗ Hùng Sơn	22.000.000.000	5,00%	22.000.000.000	5,00%
Ông Đỗ Xuân Hiếu	22.000.000.000	5,00%	22.000.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	142.406.000.000	32,37%	264.000.000.000	60,00%
Cộng	440.000.000.000	100%	440.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	440.000.000.000	440.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	440.000.000.000	400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	40.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	440.000.000.000	440.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	9.601.840	23.821.090
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	7.181.868.000	7.181.868.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	7.181.868.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.191.469.840)	(7.196.087.250)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(7.196.087.250)
- Số dư cuối năm	-	9.601.840

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.000.000	44.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.000.000	44.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.000.000	44.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	44.000.000	44.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.806.871.996	2.806.871.996
	2.806.871.996	2.806.871.996

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty Cổ phần Elmich thuê tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Thuê văn phòng tại số tầng 17, tòa nhà 319 Tower số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê hoạt động thời hạn là 5 năm từ ngày 29/06/2015;
- Thuê văn phòng làm showroom tại số 47/640 Nguyễn Văn Cừ, tổ 13, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với thời hạn thuê 5 năm từ ngày 02/01/2015.
- Thuê văn phòng làm phòng bảo hành tại tầng 3, số nhà 122 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với thời hạn thuê 3 năm kể từ ngày 15/04/2017;
- Thuê kho tại Cụm công nghiệp Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội với thời hạn thuê với thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01/02/2015.

Các khoản phải trả trong tương lai theo hợp đồng được xác định cụ thể trong 1 năm đến 2 năm đầu, sau đó đơn giá thuê có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế.

Công ty TNHH Sản xuất đồ gia dụng Elmich ký hợp đồng thuê đất tại Cụm công nghiệp An Mỹ- Đồn Xá, xã An Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam để sử dụng với mục đích làm công trình xây dựng Nhà máy sản xuất và kinh doanh đồ gia dụng từ kim loại và phi kim loại từ 30/11/2012 đến 30/11/2062. Diện tích đất thuê là 47.728 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê (chi tiết xem tại Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng ký các hợp đồng thuê đất như sau:

- Lô 31, 32 đường Ngô Văn Sở, phường 9, thành phố Đà Lạt;
- Lô 2,4,6 điểm Công nghiệp Phát Chi - Xuân Trường;
- Lô đất tại xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt;
- Lô đất tại quốc lộ 20 thị trấn Madagui, tỉnh Lâm Đồng.
- Lô đất tại Thôn Lương Can 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận.

Các khu đất trên sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh, tổng diện tích đất thuê là 246.024,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
USD	3.886,00	424,20

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán các sản phẩm đồ gia dụng	489.908.300.403	416.317.577.245
Doanh thu bán các sản phẩm rượu, hạt điều	510.394.062.506	591.775.327.828
Doanh thu khác	5.120.187.523	8.791.055.858
	1.005.422.550.432	1.016.883.960.931

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.167.440.339	15.560.018.467
Hàng bán bị trả lại	11.015.614.905	8.162.024.339
Giảm giá hàng bán	160.993.549	744.861.750
	23.344.048.793	24.466.904.556

24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán các sản phẩm đồ gia dụng	473.434.637.371	397.634.916.731
Doanh thu bán các sản phẩm rượu, hạt điều	503.523.676.745	586.780.074.186
Doanh thu khác	5.120.187.523	8.002.065.458
	982.078.501.639	992.417.056.375

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của các sản phẩm đồ gia dụng	292.364.007.879	243.985.006.172
Giá vốn của các sản phẩm rượu, hạt điều	468.493.219.163	538.216.187.229
Giá vốn khác	3.571.062.411	5.770.474.493
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	972.410.634	-
	765.400.700.087	787.971.667.894

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	994.737.937	385.662.799
Lãi bán các khoản đầu tư	283.895.863	3.033.311.470
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.200	2.709.168.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	546.831.156	992.479.031
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	125.252.495	44.715.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	176.356.169
	1.950.729.651	7.341.693.219

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.471.213.568	7.571.763.906
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.060.268.865	2.654.330.662
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.070.420.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.779.747.004	755.512.671
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(5.492.142.680)
Chi phí tài chính khác	-	146.073.786
	9.311.229.437	7.705.958.345

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.211.320.377	5.612.692.639
Chi phí nhân công	49.251.508.177	47.626.839.066
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	206.139.027	452.182.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.089.263.885	1.045.521.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.538.845.525	40.145.312.791
Chi phí khác bằng tiền	13.695.744.719	10.245.203.803
	123.992.821.710	105.127.751.943

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nhân công	18.200.176.448	23.098.946.292
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.356.760	322.880.976
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	462.302.715	410.366.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	651.436.824	655.201.115
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)	25.857.306	(63.602.306)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.107.850.698	9.087.910.085
Chi phí khác bằng tiền	7.377.468.550	12.469.688.125
	34.368.449.301	45.981.390.619

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	2.146.254.545	141.818.182
Tiền phạt thu được	72.869.882	578.947.578
Thu hỗ trợ	101.168.882	267.656.456
Thu tiền bồi thường bảo hiểm	718.354.015	-
Các khoản khác	1.283.225.599	351.250.661
	4.321.872.923	1.339.672.877

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Xử lý công nợ	395.050.430	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	295.804.106
Chi phí tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	507.342.586	4.864.249
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	241.443.028	162.663.498
Các khoản khác	1.278.004.442	848.931.799
	2.421.840.486	1.312.263.652

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Elmich	3.506.117.155	3.219.018.822
Công ty TNHH Elmich Việt Nam	1.433.241.155	1.345.378.447
Công ty TNHH SX Đồ gia dụng Elmich	1.269.652.334	-
Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng	2.827.933.647	5.302.342.460
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.036.944.291	9.866.739.729
Truy thu thuế TNDN năm 2017	9.353.904	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.798.717.111	4.836.361.588
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.566.343.383)	(9.904.384.206)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.278.671.923	4.798.717.111

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	463.114.382
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	463.114.382

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(463.114.382)	(4.956.876)
	(463.114.382)	(4.956.876)

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.152.850.399	33.738.436.490
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38.152.850.399	33.738.436.490
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	44.000.000	44.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	867	767

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu do chia cổ phiếu thưởng năm trước.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	524.997.296.946	477.610.461.802
Chi phí nhân công	98.401.767.224	109.261.354.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.850.149.903	18.180.535.149
Chi phí dự phòng	22.016.164	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.954.301.970	36.434.846.108
Chi phí khác bằng tiền	65.923.639.109	64.728.493.624
	756.149.171.316	706.215.691.153

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2018	01/01/2018
		Giá gốc	Giá gốc
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.521.180.362	-	58.047.594.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.214.706.174	(44.677.148)	150.998.564.028
Các khoản cho vay	205.000.000	-	205.000.000
Đầu tư dài hạn	247.894	-	247.894
Cộng	238.941.134.430	(44.677.148)	209.251.406.415
			(18.819.842)

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	125.458.922.178	112.478.582.051
Phải trả người bán, phải trả khác	54.840.349.895	106.896.351.832
Chi phí phải trả	16.594.841.664	11.832.565.714
Cộng	196.894.113.737	231.207.499.597

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018		
Đầu tư dài hạn	247.894	247.894
	247.894	247.894
Tại ngày 01/01/2018		
Đầu tư dài hạn	247.894	247.894
	247.894	247.894

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.521.180.362	-	-	63.521.180.362
Phải thu khách hàng, phải thu khác	174.042.584.066	1.127.444.960	-	175.170.029.026
Các khoản cho vay	205.000.000	-	-	205.000.000
Cộng	237.768.764.428	1.127.444.960	-	238.896.209.388
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.047.594.493	-	-	58.047.594.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	150.143.350.186	836.394.000	-	150.979.744.186
Các khoản cho vay	205.000.000	-	-	205.000.000
Cộng	208.395.944.679	836.394.000	-	209.232.338.679

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018			
Vay và nợ	124.588.922.178	870.000.000	125.458.922.178
Phải trả người bán, phải trả khác	54.640.349.895	200.000.000	54.840.349.895
Chi phí phải trả	16.594.841.664	-	16.594.841.664
Cộng	195.824.113.737	1.070.000.000	196.894.113.737

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018			
Vay và nợ	111.713.582.051	765.000.000	112.478.582.051
Phải trả người bán, phải trả khác	106.646.351.832	250.000.000	106.896.351.832
Chi phí phải trả	11.832.565.714	-	11.832.565.714
Cộng	230.192.499.597	1.015.000.000	231.207.499.597

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	413.406.881.741	531.873.657.656
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	400.426.541.614	509.961.098.182

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh đồ gia dụng	Kinh doanh rượu, hạt điều	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	473.434.637.371	503.523.676.745	5.120.187.523	982.078.501.639	-	982.078.501.639
Giá vốn của hàng bán ra bên ngoài	292.615.990.454	469.213.647.222	3.571.062.411	765.400.700.087	-	765.400.700.087
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	180.818.646.917	34.310.029.523	1.549.125.112	216.677.801.552	-	216.677.801.552
Tổng chi phí mua tài sản cố định	5.679.175.527	8.294.386.146	-	13.973.561.673	-	13.973.561.673
Tài sản bộ phận	1.008.161.758.781	219.884.397.265	-	1.228.046.156.046	413.750.057.680	814.296.098.366
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	44.452.981.524
Tổng Tài sản	1.008.161.758.781	219.884.397.265	-	1.228.046.156.046	413.750.057.680	858.749.079.890
Nợ phải trả của các bộ phận	292.261.055.200	31.564.684.879	-	323.825.740.079	85.647.651.123	238.178.088.956
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	292.261.055.200	31.564.684.879	-	323.825.740.079	85.647.651.123	238.178.088.956

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Elmich

Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vay trong năm		22.000.000.000	-
- Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	22.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay trong năm		12.628.398.170	2.575.515.890
- Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	12.628.398.170	2.575.515.890

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả ngắn hạn khác		7.058.069.677	19.686.467.847
- Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	6.506.375.755	19.134.773.925
- Ông Đỗ Trường Khánh	Giám đốc	551.693.922	551.693.922
Vay		22.000.000.000	-
- Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	22.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Giám đốc	664.800.000	664.800.000

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP kiểm toán.

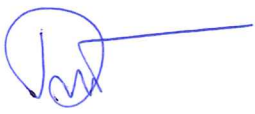
Một số chỉ tiêu được điều chỉnh, phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Elmich

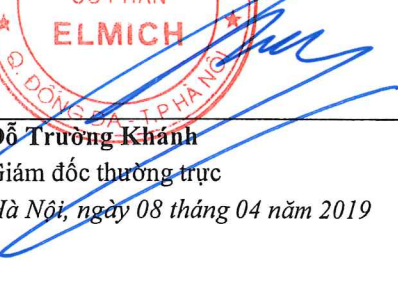
Địa chỉ: Tầng 3, số 122 Đường Nguyễn Lương Bằng
phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
a/ Bảng Cân đối kế toán hợp nhất		VND	VND
- Phải thu ngắn hạn khác	136	5.394.538.246	13.339.765.421
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	41.446.484.659	42.198.961.112
- Lợi thế thương mại	269	-	45.343.170.912
- Phải trả ngắn hạn khác	319	28.089.533.122	36.034.760.297
- Vốn khác của chủ sở hữu	414	23.471.789.361	19.665.990.000
- Quỹ đầu tư phát triển	418	2.806.871.996	2.157.021.578
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23.876.810.672	74.014.803.407
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	90.244.611.865	90.657.916.274
b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất			
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	992.417.056.375	995.020.558.544
- Giá vốn hàng bán	22	787.971.667.894	781.873.169.941
- Chi phí bán hàng	25	105.127.751.943	113.806.585.728
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	45.981.390.619	52.178.750.863
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	44.033.742.153	37.859.548.246
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	767	626
c/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
- Lợi nhuận trước thuế	01	53.895.525.006	47.721.331.099
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	12.006.341.242	18.180.535.149


Phạm Thùy Dương
Người lập biểu


Lê Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Đỗ Trường Khanh
Giám đốc thường trực
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

